

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng.
2. Ông Nguyễn Văn Trên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hồng Đ, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Số 310, ấp AL, xã ĐA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1979;
HKTT: Số 164, ấp LB, xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.
Tạm trú: Số 52, ấp AL, xã ĐY, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Đ và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Đ trình bày:

Chị Đ và anh T cưới nhau năm 1998, không đăng ký kết hôn. Chung sống đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và xa nhau đến nay. Quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/6/1999. Tài sản chung, nợ chung không có. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn, con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về chia tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị Đ về thời gian chung sống, con chung, tài sản, nợ chung. Nay anh T đồng ý ly hôn. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về chia tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đ xin ly hôn với anh T đang sinh sống tại xã ĐY, huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LV, theo quy định tại theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Đ và anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T là tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo luật định, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn và thực hiện theo nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Từ Điều luật trên, xét sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T là không phù hợp pháp luật nên không được chấp nhận. Bởi lẽ, chị Đ và anh T chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung:

Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị Đ và anh T thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06/6/1999.

Con chung đã trưởng thành nên chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Đ xin ly hôn, anh T đồng ý nên mỗi bên phải chịu một nửa mức án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Đ tự nguyện nộp đủ, xét sự tự nguyện này là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa chị Phạm Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Minh T là vợ chồng.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị Hồng Đ tự nguyện nộp đủ 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng

theo biên lai thu số 0003217 ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

3. Án xử có mặt chị Đ và anh T. Báo cho chị Đ và anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên